

THÔNG TƯ

Quy định về đo lường đối với chuẩn quốc gia

Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với chuẩn quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần bởi:

1. Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024;

2. Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đo lường, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về đo lường đối với chuẩn quốc gia¹.

¹Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Quyền Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.”.

Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Đo lường số 04/2011/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 84/2025/QH15;

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đo lường đối với chuẩn quốc gia gồm: chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia; duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia.
2. Cơ quan nhà nước về đo lường và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC GIỮ CHUẨN QUỐC GIA, PHÊ DUYỆT CHUẨN QUỐC GIA

Mục 1

ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH GIỮ CHUẨN QUỐC GIA, PHÊ DUYỆT CHUẨN QUỐC GIA

Điều 3. Điều kiện để được chỉ định là tổ chức giữ chuẩn quốc gia

Tổ chức đáp ứng các điều kiện sau đây được chỉ định giữ chuẩn quốc gia:

1. Có tư cách pháp nhân;
2. Có chuẩn đo lường tương ứng đề nghị được phê duyệt là chuẩn quốc gia (sau đây gọi tắt là chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt);
3. Có đủ phương tiện, trang thiết bị, mặt bằng làm việc, điều kiện môi trường và các điều kiện kỹ thuật khác (điều kiện về điện áp, tần số nguồn điện, chống rung động, chống ảnh hưởng của nhiễu điện từ trường) để thực hiện duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia tương ứng;
4. Có các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ, hư hỏng, thiên tai; bảo đảm yêu cầu di chuyển khẩn cấp chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 36/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đo lường.”.

5. Có ít nhất 02 nhân viên kỹ thuật thực hiện việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt. Nhân viên kỹ thuật phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- a) Tốt nghiệp đại học chuyên ngành kỹ thuật tương ứng;
- b) Ngoại ngữ: Tiếng Anh hoặc tiếng Pháp hoặc tiếng Nga, trình độ C hoặc tương đương trở lên;
- c) Có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm thực hiện hiệu chuẩn, so sánh chuẩn đo lường.

6. Có sơ đồ hiệu chuẩn và quy trình hiệu chuẩn hoặc phương pháp so sánh chuẩn đo lường đề nghị phê duyệt phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế;

7. Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 để thực hiện việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt.

Điều 4. Điều kiện để được phê duyệt là chuẩn quốc gia

Chuẩn đo lường đáp ứng các điều kiện sau đây được phê duyệt là chuẩn quốc gia:

- 1. Đáp ứng các yêu cầu cơ bản đối với chuẩn đo lường quy định tại Điều 11 của Luật Đo lường;
- 2. Phù hợp với quy hoạch phát triển chuẩn quốc gia do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
- 3. Được lưu giữ, duy trì, bảo quản và sử dụng tại tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

Mục 2 LẬP VÀ XỬ LÝ HỒ SƠ

Điều 5. Lập hồ sơ đề nghị chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia²

Hồ sơ đề nghị chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia (sau đây gọi chung là hồ sơ đề nghị phê duyệt, chỉ định) được lập tương ứng với từng trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này. Tổ chức đề nghị lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt, chỉ định gửi đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (sau đây gọi chung là Ủy ban) thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

1. Trường hợp đề nghị chỉ định giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia, hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia

²Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

(theo Mẫu 1a. ĐNCĐPD tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Tài liệu kỹ thuật của chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt (bản sao), gồm: thuyết minh kỹ thuật; hướng dẫn duy trì, bảo quản, sử dụng; giấy chứng nhận hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc kết quả so sánh hoặc tương đương do tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu cung cấp (tiếng Việt hoặc tiếng Anh hoặc cả 02 thứ tiếng) (không áp dụng với trường hợp chỉ đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia);

c) Bộ ảnh màu gồm 01 ảnh phối cảnh tổng thể và các ảnh khác của chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt kèm theo chú thích cho mỗi ảnh, được cung cấp dưới dạng tệp ảnh điện tử hoặc bản in màu trên giấy khổ A4. Các ảnh chụp phải rõ ràng và thể hiện được hình dáng, tên và thông tin về các đặc tính kỹ thuật đo lường chính của chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt (không áp dụng với trường hợp chỉ đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia);

d) Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương về việc thành lập, đăng ký hoạt động của tổ chức (bản sao) (đối với tổ chức không được cấp mã số doanh nghiệp và thông tin về tư cách pháp lý chưa có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được công bố, kết nối, chia sẻ);

đ) Báo cáo về cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân lực để thực hiện duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt (theo Mẫu 2. BCCS tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này);

e) Văn bản quy định về việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia theo quy định tại Điều 19 của Thông tư này;

g) Sơ đồ hiệu chuẩn; quy trình và chu kỳ hiệu chuẩn hoặc so sánh chuẩn đo lường;

h) Danh mục hồ sơ của hệ thống quản lý đối với hoạt động duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt.

Trường hợp chỉ đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia, tổ chức đề nghị không phải nộp tài liệu quy định tại điểm b và điểm c khoản này.

2. Trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt, chỉ định:

a) Đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh tên, địa chỉ trụ sở chính và không thay đổi các thông tin khác của quyết định phê duyệt, chỉ định, hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Đối với trường hợp điều chỉnh các thông tin khác không được quy định tại điểm a khoản này, hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và tài liệu có liên quan đến nội dung điều chỉnh (bản sao).

3. Trường hợp đề nghị chỉ định lại của tổ chức có quyết định đình chỉ hiệu lực theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này:

a) Trường hợp chỉ định lại sau khi tổ chức có văn bản đề nghị đình chỉ theo điểm b khoản 1 Điều 16, hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và các

tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung đình chỉ (bản sao);

b) Trường hợp chỉ định lại sau khi tổ chức khắc phục do không hoàn thành trách nhiệm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16, hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và các tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc khắc phục do không hoàn thành trách nhiệm (bản sao).

Điều 6. Xử lý hồ sơ³

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị về lý do từ chối giải quyết hồ sơ hoặc những nội dung cần hoàn thiện.

Nếu tổ chức đề nghị không hoàn thiện hồ sơ theo quy định trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo những nội dung cần hoàn thiện, Ủy ban kết thúc việc giải quyết hồ sơ.

2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ:

a) Trường hợp đánh giá tại cơ sở:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 5 của Thông tư này), Ủy ban xem xét, ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá tại cơ sở. Việc thành lập đoàn đánh giá tại cơ sở, đánh giá tại cơ sở, xử lý hồ sơ kết quả đánh giá và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định phê duyệt, chỉ định được thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương II của Thông tư này đối với nội dung đề nghị;

b) Trường hợp kiểm tra trên hồ sơ:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp nộp hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư này), Ủy ban kiểm tra trên hồ sơ và lập 01 bộ hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia đối với nội dung đề nghị. Hồ sơ trình gồm: công văn của Ủy ban và hồ sơ đề nghị theo từng trường hợp quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

3. Hồ sơ sau khi giải quyết theo quy định tại Điều này được lưu giữ theo quy định tại Điều 15 của Thông tư này.

Mục 3 ĐÁNH GIÁ TẠI CƠ SỞ

Điều 7. Phương thức và nguyên tắc đánh giá tại cơ sở

1. Đánh giá tại cơ sở được thực hiện theo phương thức đoàn đánh giá.
2. Đánh giá tại cơ sở được thực hiện theo nguyên tắc chuyên gia.

Điều 8. Đoàn đánh giá

³Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

1. Đoàn đánh giá do Chủ tịch⁴ Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia⁵ quyết định thành lập để đánh giá tại cơ sở, báo cáo kết quả và tư vấn cho Chủ tịch⁶ Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia⁷ về sự phù hợp của tổ chức đề nghị và của chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt so với các yêu cầu quy định tại Thông tư này.

2. Thành phần của đoàn đánh giá

a) Đoàn đánh giá gồm trưởng đoàn, thư ký và thành viên khác. Số lượng thành viên đoàn đánh giá không ít hơn ba (03) người;

b) Trưởng đoàn là người có uy tín trong lĩnh vực đo lường. Trưởng đoàn có trách nhiệm: Tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đoàn đánh giá; phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên; triệu tập và chủ trì các buổi họp của đoàn đánh giá; quyết định việc mời các đại biểu tham dự khi cần thiết; thông qua hồ sơ kết quả đánh giá trước khi trình Ủy ban⁸;

c) Thư ký là công chức làm nhiệm vụ quản lý đo lường của Ủy ban⁹. Thư ký có trách nhiệm: Chuẩn bị chương trình đánh giá (theo Mẫu 3. CTĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); phiếu đánh giá (theo Mẫu 4. PĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); ghi chép đầy đủ và trung thực các ý kiến đánh giá; thu thập phiếu đánh giá của các thành viên trong đoàn đánh giá; lập biên bản tổng hợp kết quả đánh giá (theo Mẫu 5. BBTH tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) để hợp thông qua hồ sơ đánh giá;

d) Thành viên khác của đoàn đánh giá là cán bộ khoa học hoạt động trong lĩnh vực đo phù hợp được mời từ các Bộ, ngành, doanh nghiệp, trường đại học, các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức xã hội nghề nghiệp liên quan hoặc chuyên gia độc lập. Thành viên có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung, kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 9. Nội dung đánh giá

1. Sự phù hợp của tổ chức đề nghị với các điều kiện quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

2. Sự phù hợp của chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt với các điều kiện

⁴Cụm từ “Tổng cục trưởng” được thay thế bởi cụm từ “Chủ tịch” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

⁵Cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

⁶Cụm từ “Tổng cục trưởng” được thay thế bởi cụm từ “Chủ tịch” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

⁷Cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

⁸Cụm từ “Tổng cục” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

⁹Cụm từ “Tổng cục” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

Điều 10. Phương pháp đánh giá

Trong quá trình đánh giá, thành viên đoàn đánh giá được áp dụng một hoặc các phương pháp đánh giá sau đây:

1. Phỏng vấn trực tiếp người phụ trách, nhân viên kỹ thuật của tổ chức đề nghị về những thông tin có liên quan.
2. Xem xét hồ sơ lưu trữ, các tài liệu có liên quan.
3. Quan sát thực tế chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt, phương tiện, trang thiết bị, mặt bằng làm việc, điều kiện môi trường và các điều kiện kỹ thuật khác để thực hiện duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia.
4. Đánh giá sự thành thạo của nhân viên kỹ thuật, sự phù hợp của quy trình hiệu chuẩn, quy định về duy trì, bảo quản, sử dụng thông qua quan sát thao tác và xử lý kết quả hiệu chuẩn hoặc so sánh chuẩn đo lường do nhân viên kỹ thuật thực hiện.

Điều 11. Tiến hành đánh giá

1. Trưởng đoàn tổ chức họp đoàn đánh giá, thông qua chương trình đánh giá, phân công nhiệm vụ và thống nhất kế hoạch thực hiện việc đánh giá theo tiến độ, nội dung đánh giá quy định trong quyết định thành lập đoàn đánh giá.
2. Theo phương pháp đánh giá quy định tại Điều 10 của Thông tư này và nội dung đánh giá được phân công, các thành viên tiến hành đánh giá và ghi kết quả đánh giá vào phiếu đánh giá.
3. Trưởng đoàn tổ chức họp để thông qua hồ sơ đánh giá tại cơ sở.
4. Việc đánh giá phải hoàn thành trong thời gian ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký quyết định thành lập đoàn đánh giá. Chi phí và các điều kiện khác phục vụ việc đánh giá tại chỗ của đoàn đánh giá do tổ chức đề nghị bảo đảm.

Điều 12. Hồ sơ kết quả đánh giá

Trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc đánh giá, trưởng đoàn trình một (01) bộ hồ sơ kết quả đánh giá lên Ủy ban¹⁰. Bộ hồ sơ gồm:

1. Quyết định thành lập đoàn đánh giá;
2. Chương trình đánh giá;
3. Các phiếu đánh giá của thành viên;
4. Biên bản tổng hợp kết quả đánh giá.

Điều 13. Xử lý hồ sơ kết quả đánh giá

1. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ kết quả đánh

¹⁰Cụm từ “Tổng cục” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

giá, nếu kết quả đánh giá tại cơ sở không đạt yêu cầu quy định, Ủy ban¹¹ thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị.

2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ kết quả đánh giá, nếu kết quả đánh giá tại chỗ đạt yêu cầu quy định, Ủy ban¹² xem xét, lập một (01) bộ hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia. Bộ hồ sơ gồm:

- a) Công văn của Ủy ban¹³;
- b) Hồ sơ kết quả đánh giá quy định tại Điều 12 của Thông tư này;
- c) Hồ sơ đề nghị phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Mục 4

QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT CHUẨN QUỐC GIA, CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC GIỮ CHUẨN QUỐC GIA

Điều 14. Quyết định phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia

1. Căn cứ hồ sơ trình duyệt của Ủy ban¹⁴, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia (sau đây gọi tắt là quyết định phê duyệt, chỉ định).

2.¹⁵ Quyết định phê duyệt, chỉ định theo Mẫu 1c. QĐCĐPD tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Tên lĩnh vực đo, đại lượng đo;
- b) Tên chuẩn quốc gia;
- c) Số hiệu;
- d) Ký mã hiệu của chuẩn quốc gia;
- đ) Nơi sản xuất, năm sản xuất của chuẩn quốc gia;
- e) Phạm vi đo, độ không đảm bảo đo hoặc độ chính xác hoặc cấp chính xác và các đặc tính kỹ thuật đo lường cần thiết khác của chuẩn quốc gia;
- g) Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia;
- h) Địa chỉ nơi đặt chuẩn quốc gia.

¹¹Cụm từ “Tổng cục” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

¹²Cụm từ “Tổng cục” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

¹³Cụm từ “Tổng cục” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

¹⁴Cụm từ “Tổng cục” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

¹⁵Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

3.¹⁶ Trường hợp 01 quyết định phê duyệt, chỉ định được ban hành để phê duyệt đồng thời từ 02 chuẩn quốc gia trở lên và chỉ định 01 tổ chức giữ các chuẩn quốc gia đó thì các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản 2 Điều này phải ghi riêng cho từng chuẩn quốc gia.

4. Quyết định phê duyệt, chỉ định được gửi cho tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia.

5. Quyết định phê duyệt, chỉ định quy định tại khoản 2 Điều này và các ảnh của chuẩn quốc gia quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 của Thông tư này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, của Ủy ban¹⁷.

Điều 15. Lưu giữ hồ sơ phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia

1. Hồ sơ phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia được lưu giữ gồm: Quyết định phê duyệt, chỉ định quy định tại Điều 14 và các hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư này.

2. Một (01) bộ hồ sơ phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia được lưu giữ tại Ủy ban¹⁸.

3. Tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia chịu trách nhiệm lập và lưu giữ một (01) bộ hồ sơ phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia.

4. Thời hạn lưu giữ hồ sơ: Năm (05) năm sau khi quyết định phê duyệt, chỉ định được điều chỉnh hoặc bị hủy bỏ.

Mục 5

ĐÌNH CHỈ, HỦY BỎ HIỆU LỰC¹⁹ CỦA QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT, CHỈ ĐỊNH

Điều 16. Đình chỉ hiệu lực của quyết định phê duyệt, chỉ định

1. Đình chỉ hiệu lực của quyết định phê duyệt, chỉ định áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia không hoàn thành trách nhiệm theo quy định tại Điều 22 của Thông tư này;

b) Tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia có văn bản đề nghị được đình chỉ việc giữ chuẩn quốc gia.

¹⁶Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

¹⁷Cụm từ “Tổng cục” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

¹⁸Cụm từ “Tổng cục” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

¹⁹Cụm từ “ĐIỀU CHỈNH PHẠM VI” tại tên Mục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

2. Tùy từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở đề nghị của Ủy ban²⁰, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định đình chỉ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định phê duyệt, chỉ định (gọi tắt là quyết định đình chỉ). Thời hạn tạm thời đình chỉ không được quá sáu (06) tháng kể từ thời điểm có hiệu lực của quyết định đình chỉ.

3. Quyết định đình chỉ được gửi cho tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, của Ủy ban²¹.

4.²² Trong thời hạn tạm thời đình chỉ quy định tại khoản 2 Điều này, sau khi hoàn thành việc khắc phục do không hoàn thành trách nhiệm theo quy định tại Thông tư này hoặc có nhu cầu chỉ định lại, tổ chức có quyết định đình chỉ có quyền lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chỉ định lại theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư này; việc xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

5.²³ *(được bãi bỏ)*

6.²⁴ *(được bãi bỏ)*

7.²⁵ *(được bãi bỏ)*

8.²⁶ *(được bãi bỏ)*

9.²⁷ *(được bãi bỏ)*

10.²⁸ *(được bãi bỏ)*

Điều 17. Hủy bỏ hiệu lực của quyết định phê duyệt, chỉ định

1. Hủy bỏ hiệu lực của quyết định phê duyệt, chỉ định được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia bị phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật;

²⁰Cụm từ “Tổng cục” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

²¹Cụm từ “Tổng cục” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

²²Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

²³Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

²⁴Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

²⁵Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

²⁶Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

²⁷Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

²⁸Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

b) Tổ chức có quyết định đình chỉ đã quá thời hạn tạm thời đình chỉ nhưng không hoàn thành việc khắc phục hậu quả;

c) Tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia có văn bản đề nghị không tiếp tục thực hiện việc giữ chuẩn quốc gia như được chỉ định;

d) Chuẩn quốc gia bị mất, hư hỏng không khắc phục được.

2. Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban²⁹, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực của quyết định phê duyệt, chỉ định (gọi tắt là quyết định hủy bỏ hiệu lực).

3. Quyết định hủy bỏ hiệu lực được gửi cho tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, của Ủy ban³⁰.

Điều 18.³¹ (được bãi bỏ)

Chương III

DUY TRÌ, BẢO QUẢN, SỬ DỤNG CHUẨN QUỐC GIA

Điều 19. Quy định về duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia

Quy định về duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Đối với việc duy trì, bảo quản:

a) Diện tích nơi duy trì, bảo quản;

b) Điều kiện môi trường và các điều kiện kỹ thuật khác;

c) Biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ, thiên tai, mất hoặc hư hỏng chuẩn quốc gia; biện pháp di chuyển khẩn cấp;

d) Việc định kỳ kiểm soát các điều kiện duy trì, bảo quản;

đ) Việc hiệu chuẩn nội bộ hoặc so sánh liên phòng chuẩn quốc gia; đề xuất biện pháp xử lý đối với kết quả hiệu chuẩn nội bộ và so sánh liên phòng;

e) Yêu cầu về duy trì, bảo quản, sử dụng phương tiện, trang thiết bị để thực hiện duy trì, bảo quản chuẩn quốc gia;

g) Phân công và trách nhiệm của người làm nhiệm vụ duy trì, bảo quản.

2. Đối với việc sử dụng:

a) Đối với hoạt động hiệu chuẩn hoặc so sánh chuẩn quốc gia với chuẩn quốc tế hoặc chuẩn quốc gia của nước ngoài:

²⁹Cụm từ “Tổng cục” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

³⁰Cụm từ “Tổng cục” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

³¹Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

- Chu kỳ hiệu chuẩn hoặc so sánh;

- Yêu cầu về bao gói, vận chuyển, bảo quản, về kiểm soát hồ sơ, tài liệu, tình trạng của chuẩn quốc gia và trang thiết bị liên quan.... trước và sau khi thực hiện; đề xuất biện pháp xử lý kết quả sau khi hiệu chuẩn hoặc so sánh chuẩn quốc gia.

b) Đối với hoạt động hiệu chuẩn hoặc so sánh để truyền độ chính xác của chuẩn quốc gia đến chuẩn đo lường có độ chính xác thấp hơn:

- Diện tích nơi sử dụng;

- Điều kiện môi trường và các điều kiện kỹ thuật khác;

- Biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống hư hỏng chuẩn quốc gia do việc sử dụng không phù hợp quy định;

- Phân công và quy định trách nhiệm của người được giao thực hiện hiệu chuẩn hoặc so sánh;

- Yêu cầu về duy trì, bảo quản, sử dụng phương tiện, trang thiết bị để thực hiện hiệu chuẩn hoặc so sánh;

- Ghi chép nhật ký sử dụng.

Điều 20. Tổ chức thực hiện quy định về duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia

Việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia phải được thực hiện theo đúng quy định do tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia ban hành.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH³²

³²Điều 78, Điều 79 và Điều 80 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024 quy định như sau:

“Điều 78. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

Điều 79. Điều khoản chuyển tiếp

Các nội dung công việc đã giao cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện tại các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định từ Điều 1 đến Điều 77 của Thông tư này, thì được chuyển giao cho Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia để tiếp tục thực hiện.

Điều 80. Điều khoản thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./”.

Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 20. Nguyên tắc giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu

1. Tổ chức, cá nhân không phải nộp lại thông tin, giấy tờ, tài liệu còn giá trị sử dụng đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố, kết nối, chia sẻ.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia³³

1. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia.

2. Tổ chức quản lý hoạt động duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia.

3. Định kỳ hai (02) năm một lần hoặc khi có yêu cầu của cơ quan cấp trên, Ủy ban³⁴ thực hiện kiểm tra đối với chuẩn quốc gia và hoạt động duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia của tổ chức được chỉ định

4. Thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra đối với việc chấp hành quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan của tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia.

Điều 22. Trách nhiệm của tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia

1. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ về chuẩn đo lường; xây dựng phương pháp duy trì, bảo quản chuẩn quốc gia; xây dựng phương pháp đo để truyền độ chính xác của chuẩn quốc gia tới chuẩn đo lường có độ chính

2. Trường hợp không khai thác được hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác, thống nhất, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thông báo một lần, đầy đủ để tổ chức, cá nhân bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng; không lấy lý do này để xác định hồ sơ không hợp lệ hoặc từ chối giải quyết hồ sơ.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các văn bản, giấy tờ đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng cho đến khi hết hiệu lực hoặc được điều chỉnh, thay thế, hủy bỏ theo quy định. Trường hợp cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo thay đổi địa chỉ trụ sở chính so với địa chỉ ghi trên quyết định phê duyệt mẫu, quyết định phê duyệt mẫu đã cấp tiếp tục có hiệu lực và cơ sở không phải đăng ký điều chỉnh thông tin về địa chỉ trụ sở chính trên quyết định phê duyệt mẫu.

2. Đối với đơn, hồ sơ đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa giải quyết xong, thì cơ quan, người có thẩm quyền đó tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận đơn, hồ sơ đó.

3. Hồ sơ phát sinh trước ngày Thông tư này có hiệu lực liên quan đến các quy định, biểu mẫu bị bãi bỏ, thay thế theo Thông tư này được lưu giữ theo quy định của Thông tư số 03/2025/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Khoa học và Công nghệ.

4. Quyết định phê duyệt mẫu đã được gia hạn hiệu lực hoặc đã được điều chỉnh nội dung, thời hạn hiệu lực trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được điều chỉnh nội dung, thời hạn hiệu lực theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại các Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này, theo đề nghị của cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 5 Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và phù hợp với pháp luật về đầu tư kinh doanh kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc phát sinh, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) để xem xét, hướng dẫn./..”.

³³Cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

³⁴Cụm từ “Tổng cục” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

xác thấp hơn.

2. Thiết lập, duy trì hệ thống quản lý và thực hiện việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Báo cáo kịp thời các sai hỏng chuẩn quốc gia và đề xuất biện pháp khắc phục hoặc đề nghị đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia.

4. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Thực hiện đúng các quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2013.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch³⁵ Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia³⁶ chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

³⁵Cụm từ “Tổng cục trưởng” được thay thế bởi cụm từ “Chủ tịch” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

³⁶Cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

Phụ lục**CÁC MẪU BIỂU SỬ DỤNG TRONG VIỆC CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC
GIỮ CHUẨN QUỐC GIA, PHÊ DUYỆT CHUẨN QUỐC GIA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 14/2013/TT-BKHCN
ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

1. Đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia:

Mẫu 1a. ĐNCĐPD³⁷

2. Đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia:

Mẫu 1b. ĐNCĐ³⁸ (**được bãi bỏ**)

- 2a. Quyết định phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia:

Mẫu 1c. QĐCĐPD³⁹

3. Báo cáo về cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân lực để thực hiện duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia:

Mẫu 2. BCCS

14/2013/TT-BKHCN

4. Chương trình đánh giá:

Mẫu 3. CTĐG

14/2013/TT-BKHCN

5. Phiếu đánh giá:

Mẫu 4. PĐG

14/2013/TT-BKHCN

6. Biên bản tổng hợp kết quả đánh giá:

Mẫu 5. BBTH

14/2013/TT-BKHCN

³⁷Mẫu 1a. ĐNCĐPD được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

³⁸Mẫu 1b. ĐNCĐ được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

³⁹Mẫu 1c. QĐCĐPD được bổ sung vào Phụ lục theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

Mẫu 1a. ĐNCĐPD⁴⁰
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH GIỮ CHUẨN QUỐC GIA,
PHÊ DUYỆT CHUẨN QUỐC GIA**

Kính gửi: Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia

1. Tổ chức đề nghị.....(tên tổ chức).....
 - Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại:
 - Email:.....
 - Mã số doanh nghiệp (hoặc mã số thuế):.....
 - Quyết định phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia (nếu có):.....
2. Đề nghị phê duyệt chuẩn quốc gia (hoặc được chỉ định giữ chuẩn quốc gia) sau đây:
 - a) Tên lĩnh vực đo, đại lượng đo:.....
 - b) Tên chuẩn đo lường:
 - c) Số hiệu:
 - d) Ký mã hiệu của chuẩn đo lường:.....
 - đ) Nơi sản xuất, năm sản xuất:.....
 - e) Phạm vi đo, độ không đảm bảo đo hoặc độ chính xác hoặc cấp chính xác và các đặc tính kỹ thuật đo lường cần thiết khác:.....
3. Đề nghị được chỉ định giữ chuẩn quốc gia tại⁽¹⁾:
 - Tên bộ phận trực tiếp duy trì, bảo quản, sử dụng:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:
 - Email:.....
4. Đề nghị điều chỉnh nội dung quyết định phê duyệt, chỉ định hoặc quyết định chỉ định giữ chuẩn quốc gia⁽²⁾
5. Đề nghị chỉ định lại.....⁽³⁾

⁴⁰Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Tổ chức đề nghị cam kết các thông tin, tài liệu trong hồ sơ là chính xác; đáp ứng và duy trì các điều kiện đối với chuẩn quốc gia và tổ chức giữ chuẩn quốc gia; thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về đo lường.

Kính đề nghị Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Khai đối với trường hợp đề nghị phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia và trường hợp đề nghị chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia.
- (2) Chỉ khai đối với trường hợp điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia; ghi nội dung điều chỉnh liên quan đến mục 1, mục 2 và mục 3.
- (3) Chỉ khai đối với trường hợp chỉ định lại; ghi rõ số, ký hiệu, ngày ban hành và cơ quan ban hành quyết định đình chỉ và gửi kèm các tài liệu, hồ sơ theo quy định.

⁴¹Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Mẫu 1c. QĐCĐPD⁴²

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia⁽¹⁾

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ⁽²⁾;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt⁽³⁾ chuẩn quốc gia sau đây:⁽⁴⁾

a) Tên lĩnh vực đo, đại lượng đo: ...⁽⁵⁾

b) Tên chuẩn quốc gia: ...⁽⁶⁾

c) Số hiệu: ...⁽⁷⁾

d) Ký mã hiệu: ...⁽⁸⁾

đ) Nơi sản xuất, năm sản xuất: ...⁽⁹⁾

e) Phạm vi đo, độ không đảm bảo đo hoặc độ chính xác hoặc cấp chính xác và các đặc tính kỹ thuật đo lường cần thiết khác: ...⁽¹⁰⁾

Điều 2. Chỉ định⁽¹¹⁾ (địa chỉ trụ sở chính: ...⁽¹²⁾; điện thoại:⁽¹³⁾) giữ chuẩn quốc gia quy định tại Điều 1 của Quyết định này tại⁽¹⁴⁾

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành⁽¹⁵⁾.

Điều 4.⁽¹⁶⁾,⁽¹¹⁾ và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- ...;
- Lưu: VT, TĐC.

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

⁴²Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Phụ lục
THÔNG TIN VỀ CHUẨN QUỐC GIA

*(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-BKHCN ngày..... tháng.....năm 20...
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Thông tin về chuẩn quốc gia:⁽⁴⁾

Nội dung	Thông tin
Tên lĩnh vực đo, đại lượng đo	...
Tên chuẩn quốc gia	...
Số hiệu	...
Ký mã hiệu	...
Nơi sản xuất, năm sản xuất	...
Phạm vi đo, độ không đảm bảo đo hoặc độ chính xác hoặc cấp chính xác và các đặc tính kỹ thuật đo lường cần thiết khác	...
Địa chỉ nơi đặt chuẩn quốc gia ⁽¹⁴⁾	...

Ghi chú:

- (1) Căn cứ nội dung giải quyết hồ sơ, ghi tên Quyết định phù hợp: “Phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia”; “Chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia”; “Điều chỉnh Quyết định phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia”; hoặc “Chỉ định lại tổ chức giữ chuẩn quốc gia”. Đồng thời điều chỉnh các điều, khoản tương ứng và bỏ nội dung không áp dụng.
- (2) Căn cứ ban hành Quyết định gồm các văn bản quy phạm pháp luật về đo lường; văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ; hồ sơ đề nghị, kết quả đánh giá hoặc các căn cứ cần thiết khác. Mỗi căn cứ trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng; cuối mỗi căn cứ có dấu chấm phẩy (;), căn cứ cuối cùng kết thúc bằng dấu chấm (.).
- (3) Ghi số lượng chuẩn quốc gia được phê duyệt. Trường hợp chỉ chỉ định, điều chỉnh hoặc chỉ định lại tổ chức giữ chuẩn quốc gia thì thể hiện tương ứng tại Điều 1.
- (4) Trường hợp nội dung ngắn gọn hoặc chỉ có một chuẩn quốc gia, có thể trình bày trực tiếp tại Điều 1 và không sử dụng Phụ lục. Trường hợp có nhiều chuẩn quốc gia hoặc thông tin kỹ thuật dài, ghi tại Điều 1: “theo Phụ lục kèm theo Quyết định này” và trình bày trong Phụ lục; lập tiếp bảng tương ứng đối với từng chuẩn quốc gia. Trường hợp chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia đã được phê duyệt, ghi rõ số, ngày, cơ quan ban hành quyết định phê duyệt chuẩn quốc gia.
- (5) Ghi rõ tên lĩnh vực đo và đại lượng đo.
- (6) Ghi tên chuẩn quốc gia.
- (7) Ghi số hiệu của chuẩn quốc gia.
- (8) Ghi ký mã hiệu của chuẩn quốc gia; trường hợp chuẩn gồm nhiều thiết bị, bộ phận thì ghi đầy đủ ký mã hiệu cần thiết để nhận dạng.
- (9) Ghi nơi sản xuất, nước sản xuất (nếu cần thiết) và năm sản xuất của chuẩn quốc gia.
- (10) Ghi phạm vi đo, độ không đảm bảo đo hoặc độ chính xác hoặc cấp chính xác và các đặc tính kỹ thuật đo lường cần thiết khác của chuẩn quốc gia.
- (11) Ghi đầy đủ tên tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia.
- (12) Ghi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia.
- (13) Ghi số điện thoại liên hệ của tổ chức (nếu có).
- (14) Ghi địa chỉ nơi đặt chuẩn quốc gia và số điện thoại liên hệ (nếu có) đối với từng chuẩn quốc gia. Nội dung này có thể ghi tại Phụ lục.
- (15) Trường hợp điều chỉnh thì ghi “Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số.....” (ghi rõ thông tin của Quyết định đã cấp gần nhất trước đó gồm ký hiệu, ngày, cơ quan ban hành quyết định).
- (16) Ghi chức danh người đứng đầu các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

**BÁO CÁO VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT VÀ NHÂN LỰC ĐỂ THỰC
HIỆN DUY TRÌ, BẢO QUẢN, SỬ DỤNG CHUẨN QUỐC GIA**

1. Tổ chức đề nghị:(tên tổ chức).....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Fax: Email:.....

2. Bộ phận trực tiếp duy trì, bảo quản, sử dụng:.....(tên bộ phận)

- Địa chỉ:

- Điện thoại :; Fax :

3. Về cơ sở vật chất, kỹ thuật

a) Phòng thí nghiệm

- Diện tích dùng cho việc duy trì, bảo quản chuẩn quốc gia:

- Điều kiện môi trường tại nơi duy trì, bảo quản:

Nhiệt độ:..... Biến động về nhiệt độ:

Độ ẩm tương đối:..... Biến động về độ ẩm:

Áp suất không khí:..... Biến động về áp suất:.....

- Diện tích nơi sử dụng chuẩn quốc gia:

- Điều kiện môi trường tại nơi sử dụng:

Nhiệt độ:..... Biến động về nhiệt độ:

Độ ẩm tương đối:..... Biến động về độ ẩm:

Áp suất không khí:..... Biến động về áp suất:.....

b) Các điều kiện kỹ thuật khác tại nơi duy trì, bảo quản, sử dụng (*điều kiện về điện áp, tần số nguồn điện, về chống rung động, chống ảnh hưởng của nhiễu điện từ trường...*).

c) Biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ, mất hoặc hư hỏng chuẩn quốc gia; biện pháp di chuyển khẩn cấp.

d) Phương tiện, trang thiết bị được dùng để duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia.

TT	Tên phương tiện, trang thiết bị	Số lượng	Đặc trưng kỹ thuật, đo lượng chính	Mục đích sử dụng (*)

(*): Ghi cụ thể mục đích sử dụng (ví dụ: duy trì, kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm, áp suất không khí; duy trì, kiểm soát điện áp, tần số; bảo đảm an toàn khi vận chuyển chuẩn; hiệu chuẩn hoặc so sánh chuẩn; ...)

4. Về nhân viên kỹ thuật

TT	Họ và tên	Năm sinh	Thời gian công tác (**)	Chứng chỉ ngoại ngữ	Tốt nghiệp đại học chuyên ngành	Ghi chú

(**): Ghi thời gian thực hiện hiệu chuẩn hoặc so sánh chuẩn đo lường trong lĩnh vực đo.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị) giấy chứng nhận hiệu chuẩn, kiểm định của các phương tiện, trang thiết bị được dùng để duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia;

- Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị) chứng chỉ ngoại ngữ, bằng tốt nghiệp đại học của nhân viên kỹ thuật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,... .

...., ngày....tháng ...năm 20...

Thủ trưởng tổ chức đề nghị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA⁴³
ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm 20...

CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ

Kính gửi:

- Tên tổ chức đề nghị
- Các thành viên đoàn đánh giá

1. Quyết định thành lập số:....

2. Tổ chức đề nghị:(tên tổ chức).....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax: Email:.....

3. Bộ phận trực tiếp duy trì, bảo quản, sử dụng:(tên bộ phận.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:Fax:Email:.....

4. Nội dung, phân công và tiến độ thực hiện:

TT	Nội dung đánh giá	Thành viên chịu trách nhiệm đánh giá	Tiến độ	
			Thời gian bắt đầu	Thời gian nộp phiếu đánh giá

5. Thời gian họp đoàn đánh giá để triển khai thực hiện chương trình:

6. Thời gian họp đoàn đánh giá để thông qua báo cáo tổng hợp:

Thư ký
(Họ tên và chữ ký)

Trưởng đoàn
(Họ tên và chữ ký)

⁴³Cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

Mẫu 4. PDG

14/2013/TT-BKHCN

ỦY BAN TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA⁴⁴
ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

I. Thành viên (chức danh khoa học, học vị, họ tên,):

II. Quyết định thành lập số.....

III. Kết quả đánh giá:

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Đánh giá của thành viên (Đạt/không đạt)</i>
A	Đối với tổ chức đề nghị được chỉ định	
1	Sự phù hợp của hồ sơ về tư cách pháp nhân <i>Nhận xét(*):</i>	
2	Đáp ứng yêu cầu về việc ban hành và tổ chức thực hiện quy định về duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia <i>Nhận xét(*):</i>	
3	Sự phù hợp và đầy đủ các phương tiện, trang thiết bị, mặt bằng làm việc, điều kiện môi trường và các điều kiện khác để thực hiện duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia theo quy định <i>Nhận xét(*):</i>	
4	Sự phù hợp và đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ, hư hỏng, mất mát, thiên tai, biện pháp di chuyển khẩn cấp. <i>Nhận xét(*):</i>	
5	Sự phù hợp về nhân viên kỹ thuật thực hiện việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn với quy định <i>Nhận xét(*):</i>	
6	Đầy đủ sơ đồ hiệu chuẩn và quy trình hiệu chuẩn hoặc phương pháp so sánh <i>Nhận xét(*):</i>	

⁴⁴Cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

7	Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ về việc thiết lập và duy trì hệ thống quản lý với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 để thực hiện việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia. <i>Nhận xét(*)</i> :	
B	Đối với chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt	
1	Sự phù hợp với yêu cầu cơ bản đối với chuẩn đo lường <i>Nhận xét(*)</i> :	
2	Sự phù hợp với Quy hoạch phát triển chuẩn quốc gia <i>Nhận xét(*)</i> :	
3	Có hồ sơ đề nghị phê duyệt theo quy định <i>Nhận xét(*)</i> :	
4	Được duy trì, bảo quản, sử dụng tại tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định. <i>Nhận xét(*)</i> :	

(*): Nêu những tồn tại, lý do khi đánh giá không đạt yêu cầu

IV. Đánh giá chung

(trường hợp đánh giá ở mức “không đạt”, cần chỉ rõ những nội dung không phù hợp quy định)

V. Đóng góp ý kiến của thành viên về những tồn tại và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết

THÀNH VIÊN
(Họ tên và chữ ký)

ỦY BAN TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA⁴⁵
ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Đoàn đánh giá được thành lập theo Quyết định số

Thời gian đánh giá:

Kết quả:

1. Đối với tổ chức đề nghị được chỉ định

.....(tên tổ chức).....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:.....

.....(tên bộ phận trực tiếp duy trì, bảo quản, sử dụng).....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:.....

Kết quả đánh giá: (Đạt/không đạt)

2. Đối với chuẩn đo lường được đề nghị phê duyệt

a) Tên lĩnh vực đo, đại lượng đo

b) Tên chuẩn đo lường

c) Số hiệu

d) Ký mã hiệu của chuẩn đo lường

đ) Nơi sản xuất, năm sản xuất

e) Phạm vi đo, độ chính xác và các đặc trưng kỹ thuật đo lường cần thiết khác

Kết quả đánh giá: (Đạt/không đạt)

Đánh giá chung: (Đạt/không đạt)

Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

..., ngày.....tháng.....năm.....

Tổ chức đề nghị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Thư ký
(Họ tên và chữ ký)

Trưởng đoàn
(Họ tên và chữ ký)

⁴⁵Cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 22 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT***Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2026***BỘ TRƯỞNG****Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (để đăng tải);
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Vụ Pháp chế (để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Công TTĐT của Bộ KH&CN (để đăng tải);
- Lưu: VT, TĐC. 

**Vũ Hải Quân**